TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2023
V/v ly hôn giữa chị Trần Thị K
và anh Đoàn Văn D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, ông Nguyễn Trọng Tảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh N.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K - Sinh năm: 1993.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn D – Sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị K xin vắng mặt, anh D vắng mặt không có ly do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

Chị kết hôn với anh Đoàn Văn D năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, hay xảy ra cãi vã, anh D có tính ghen tuông, gia trưởng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Đoàn Phương T, sinh ngày 13/11/2014 và Đoàn Minh T1, sinh ngày 17/7/2019. Chị đề nghị được nuôi cháu T1, để anh D nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai, bị đơn anh Đoàn Văn D trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh D trình bày phù hợp với lời khai của chị K. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh một số bất đồng quan điểm sống, xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đáng kể. Chị K đi làm công ty phải tăng ca nhiều không có thời gian chăm sóc con cái, anh có khuyên chị K bỏ làm công ty thì chị K không đồng ý và xảy ra mâu thuẫn, anh và chị K có lời qua tiếng lại. Anh và chị K đang sống ly thân nhau. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị K và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị K có 02 con chung như chị K trình bày. Anh đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh D không có mặt, chị K đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải được cho chị K, anh D và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị K xin vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đoàn Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện của chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Y là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị K đề nghị xin xét xử vắng mặt; Anh D mặc dù đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị K, anh D được xác lập năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong

cuộc sống hôn nhân, tính tình không hợp nhau. Anh D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ những việc nhỏ nhặt, không đáng nói. Nay chị K xin ly hôn, anh D không đồng ý vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị K, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay, anh chị đều không có giải pháp gì để hàn gắn, cải thiện tình cảm vợ chồng, chị K vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện xin ly hôn anh D. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị và anh D ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị K, anh D có 02 con chung là Đoàn Phương T, sinh ngày 13/11/2014 và Đoàn Minh T1, sinh ngày 17/7/2019. Chị K đề nghị được nuôi cháu T1, để anh D nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Cháu T có nguyện vọng được ở với anh D. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ cũng là quyền lợi của cha mẹ, việc các bên đương sự tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi và đảm bảo cuộc sống của trẻ, để trẻ phát triển tốt nhất về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T1 còn nhỏ tuổi rất cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ, bản thân chị K cũng có nguyện vọng được nuôi cháu T1, để anh D nuôi cháu T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu T1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị K, anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị K, anh D không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Đoàn Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Minh T1, sinh ngày 17/7/2019 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đoàn Phương T, sinh ngày 13/11/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K, anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị K, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị K, anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị K phải nộp là 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003872, ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh N, chị K đã nộp đủ án phí.

5. Chị K, anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- UBND xã Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích